HÒA PHÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II/2018

THÁNG 7 NĂM 2018

HÒA PHÁT

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**33.713.013.620.413**	**33.068.060.366.641**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**5.319.038.225.154**	**4.264.641.954.689**
Tiền	111		1.063.073.003.002	764.396.954.689
Các khoản tương đương tiền	112		4.255.965.222.152	3.500.245.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**7.754.034.432.961**	**9.936.707.080.033**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	7.754.034.432.961	9.936.707.080.033
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**6.577.600.962.522**	**6.555.418.799.648**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.028.079.364.820	1.999.843.596.977
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.892.670.480.863	4.007.002.903.693
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	691.335.698.570	583.180.931.761
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(35.812.771.992)	(35.984.891.839)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.328.190.261	1.376.259.056
Hàng tồn kho	**140**	**V.5**	**12.887.026.543.733**	**11.748.873.281.675**
Hàng tồn kho	141		13.024.194.419.202	11.893.184.186.263
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(137.167.875.469)	(144.310.904.588)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.175.313.456.043**	**562.419.250.596**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		141.564.735.167	118.434.339.660
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.017.688.932.867	421.916.425.069
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		16.059.788.009	22.068.485.867

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**28.364.569.664.387**	**19.954.124.411.610**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**22.307.347.172**	**21.810.530.536**
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	22.307.347.172	21.810.530.536
Tài sản cố định	**220**		**13.072.518.388.579**	**13.197.796.695.351**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	12.866.787.781.557	13.012.259.134.112
Nguyên giá	222		22.222.714.327.948	21.244.526.727.212
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.355.926.546.391)	(8.232.267.593.100)
Tài sản cố định vô hình	227	V8	205.730.607.022	185.537.561.239
Nguyên giá	228		250.413.730.557	225.393.363.897
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.683.123.535)	(39.855.802.658)
Bất động sản đầu tư	**230**	**V.9**	**185.153.036.362**	**191.191.085.236**
Nguyên giá	231		246.141.517.543	246.141.517.543
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(60.988.481.181)	(54.950.432.307)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**13.435.136.074.943**	**5.468.751.412.626**
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		406.096.605.289	742.673.512.829
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	13.029.039.469.654	4.726.077.899.797
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**21.894.926.457**	**16.951.738.400**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	15.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	21.194.926.457	1.251.738.400
Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.627.559.890.874**	**1.057.622.949.461**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.344.631.018.832	832.464.153.214
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		180.951.614.921	170.753.319.290
Lợi thế thương mại	269	V.11	101.977.257.121	54.405.476.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**62.077.583.284.800**	**53.022.184.778.251**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**25.450.739.468.494**	**20.624.604.566.341**
Nợ ngắn hạn	**310**		**19.958.368.891.517**	**18.519.722.634.329**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		4.374.280.705.794	4.226.437.580.299
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		797.009.065.381	824.276.288.448
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	706.471.647.240	378.251.543.847
Phải trả người lao động	314		180.564.622.217	294.643.257.677
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	256.089.405.905	308.755.056.470
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.940.535.241	2.863.469.241
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.419.531.070.027	442.135.349.194
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	11.527.601.640.256	11.328.518.776.500
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	7.247.116.218	8.150.637.096
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		674.633.083.238	705.690.675.557
Nợ dài hạn	**330**		**5.492.370.576.977**	**2.104.881.932.012**
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	456.843.080.513	386.454.362.041
Phải trả dài hạn khác	337	V.15	38.461.766.435	46.659.980.472
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	4.976.499.450.228	1.651.494.675.275
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		143.476.720	323.343.866
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	20.422.803.081	19.949.570.358

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	**400**		**36.626.843.816.306**	**32.397.580.211.910**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.17**	**36.626.843.816.306**	**32.397.580.211.910**
Vốn cổ phần	411		**15.170.790.000.000**	**15.170.790.000.000**
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*15.170.790.000.000*	*15.170.790.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.202.198.967.068
Cổ phiếu quỹ	415		-	(1.693.270.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		23.097.859	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		918.641.612.156	518.641.612.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.199.924.338.502	13.397.029.077.196
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*15.004.337.412.438*	*5.390.356.963.349*
- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*2.195.586.926.064*	*8.006.672.113.847*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		125.904.351.519	110.613.825.490
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**62.077.583.284.800**	**53.022.184.778.251**

Hưng Yên, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Trang	Phạm Thị Kim Oanh	Trần Tuấn Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**14.432.746.600.541**	**10.765.212.340.195**	**27.594.540.354.834**	**21.195.991.672.404**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	171.808.499.990	153.129.770.623	332.638.833.045	319.154.842.761
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**14.260.938.100.551**	**10.612.082.569.572**	**27.261.901.521.789**	**20.876.836.829.643**
Giá vốn hàng bán	**11**	VI.3	11.379.662.995.694	8.423.125.039.098	21.415.117.235.856	16.224.381.072.975
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**2.881.275.104.857**	**2.188.957.530.474**	**5.846.784.285.933**	**4.652.455.756.668**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	79.415.973.001	32.303.389.202	142.734.146.966	106.154.188.523
Chi phí tài chính	22	VI.5	159.250.258.201	146.558.312.400	330.999.009.295	258.300.092.855
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*135.220.094.841*	*130.009.931.346*	*253.239.764.731*	*213.764.841.662*
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	(139.181.342)	-	(149.854.323)
Chi phí bán hàng	25	VI.8	154.665.928.668	217.819.103.678	298.537.624.021	330.891.124.579
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	66.201.080.303	59.466.485.385	180.694.801.686	132.371.448.730
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	**30**		**2.580.573.810.686**	**1.797.277.836.871**	**5.179.286.997.897**	**4.036.897.424.704**
Thu nhập khác	31	VI.6	114.214.391.806	108.631.628.301	265.976.213.024	195.803.796.263
Chi phí khác	32	VI.7	117.570.201.393	98.053.808.186	259.606.003.825	181.936.776.215
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(3.355.809.587)**	**10.577.820.115**	**6.370.209.199**	**13.867.020.048**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**2.577.218.001.099**	**1.807.855.656.986**	**5.185.657.207.096**	**4.050.764.444.752**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		370.255.122.285	278.349.795.796	770.907.527.317	594.399.156.821
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52		4.590.634.318	(8.999.089.887)	(10.378.162.784)	(17.435.716.239)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**2.202.372.244.496**	**1.538.504.951.077**	**4.425.127.842.563**	**3.473.801.004.170**
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		2.195.586.926.064	1.537.805.531.989	4.406.840.900.635	3.472.020.989.219
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		6.785.318.432	699.419.088	18.286.941.928	1.780.014.951

Hưng Yên, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Trang	Phạm Thị Kim Oanh	Trần Tuấn Dương

HÒA PHÁT

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**01**		**5.185.657.207.096**	**4.050.764.444.752**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.121.453.649.677	967.144.308.823
Các khoản dự phòng	03		(7.722.462.480)	(2.158.788.575)
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.083.990.459	5.877.905.384
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(88.468.742.721)	(53.395.411.026)
Chi phí lãi vay	06		253.239.764.731	213.764.841.662
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**6.469.243.406.762**	**5.181.997.301.020**
Biến động các khoản phải thu	09		(889.441.774.056)	(553.699.581.704)
Biến động hàng tồn kho	10		(633.113.933.274)	(675.643.334.713)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		692.489.150.722	(79.462.175.494)
Biến động chi phí trả trước	12		(518.751.985.534)	(20.776.865.651)
Tiền lãi vay đã trả	14		(251.049.511.542)	(213.802.763.003)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(434.940.130.822)	(876.633.681.901)
Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		-	3.865.450.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(220.235.058.547)	(181.660.609.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**4.214.200.163.709**	**2.584.183.739.326**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.196.837.266.526)	(1.800.401.848.195)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		62.338.608.404	5.878.168.644
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.531.230.706.913)	(7.121.079.998.415)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		8.693.960.165.928	44.890.620.768
Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		(115.947.860.804)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		565.283.096.176	86.373.273.121
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**(6.507.433.963.735)**	**(8.784.339.784.077)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		11.424.719.202	10.758.940.000
Tiền thu từ đi vay	33		22.496.773.611.395	4.003.822.902.266
Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.157.519.047.566)	(557.000.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.116.415.899)	(2.389.517.769)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**3.347.562.867.132**	**3.455.192.324.497**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**1.054.329.067.106**	**(2.744.963.720.254)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**4.264.641.954.689**	**4.558.660.713.745**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		67.203.359	(212.943.012)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**V.1**	**5.319.038.225.154**	**1.813.484.050.479**

Hưng Yên, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Trang	Phạm Thị Kim Oanh	Trần Tuấn Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế, tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, thiết bị quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác đá, cát, sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu và kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép; đúc gang, sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox ;
- Sản xuất và mua bán tôn mạ kẽm, tôn mạ màu, tôn lợp;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu, chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất- nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn, bò, gia cầm, chăn nuôi khác, hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Cấu trúc Tập đoàn

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 11
Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0

• Danh sách các công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	Quyền biểu quyết của Tập đoàn
1 Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông Địa chỉ: Số 415, đường Trần Phú, P. Trần Phú, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	99,96%	99,96%
2 Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương Địa chỉ: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	99,99%	99,99%
3 Công ty CP Thép Hoà Phát Dung Quất Địa chỉ: Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, VN	100,00%	100,00%
4 Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Địa chỉ: KCN Phố nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt nam	100,00%	100,00%
5 Công ty TNHH Ống thép Hòa phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,97%	99,97%
6 Công ty TNHH Tôn Hòa Phát Địa chỉ: Đường E1, khu E, khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	100,00%	100,00%
7 Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,86%	99,86%
8 Công ty Cổ phần Nội thất Hòa phát Địa chỉ: Đường B4, khu B, KCN Phố Nối A, Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	99,60%	99,60%
9 Công ty TNHH Điện lạnh Hòa phát Địa chỉ: Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	99,67%	99,67%
10 Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa phát Địa chỉ: 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, VN	99,67%	99,67%
11 Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, VN	99,99%	99,99%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng có giao dịch nhiều nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng có giao dịch nhiều nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): TSCĐ phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong bảng Bảng cân đối kế toán hợp nhất phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được ghi nhận nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của BĐS đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản hoạt động theo cách thức dự kiến

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Công ty con: là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi nhận vào nguyên giá các tài sản này.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước, lợi thế thương mại

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại: Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn góp thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo các kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê: Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu bán căn hộ: Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

Thu nhập từ tiền lãi: Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	12.665.511.471	10.571.592.154
Tiền gửi ngân hàng	1.028.417.491.531	753.825.362.535
Tiền đang chuyển	21.990.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	4.255.965.222.152	3.500.245.000.000
Cộng	**5.319.038.225.154**	**4.264.641.954.689**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	7.754.034.432.961	7.754.034.432.961	9.936.707.080.033	9.936.707.080.033
	7.754.034.432.961	**7.754.034.432.961**	**9.936.707.080.033**	**9.936.707.080.033**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	21.194.926.457	21.194.926.457	1.251.738.400	1.251.738.400
	21.194.926.457	**21.194.926.457**	**1.251.738.400**	**1.251.738.400**

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Phải thu của khách hàng	2.028.079.364.820	(33.612.771.992)	1.999.843.596.977	(33.784.891.839)
Cộng ngắn hạn	**2.028.079.364.820**	**(33.612.771.992)**	**1.999.843.596.977**	**(33.784.891.839)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Phải thu khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác – ngắn hạn				
Lãi phải thu	231.784.445.845	-	408.750.980.885	-
Phải thu khác	459.551.252.725	(2.200.000.000)	174.429.950.876	(2.200.000.000)
Cộng	**691.335.698.570**	**(2.200.000.000)**	**583.180.931.761**	**(2.200.000.000)**
Phải thu khác – dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	12.010.275.000	-	21.717.880.036	-
Phải thu khác	10.297.072.172	-	92.650.500	-
Cộng	**22.307.347.172**	**-**	**21.810.530.536**	**-**

5. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.023.342.764.901	(44.640.078.437)	1.067.045.868.296	(44.640.078.437)
Nguyên liệu, vật liệu	5.055.956.320.796	(43.471.769.595)	4.408.032.815.564	(48.971.892.001)
Công cụ, dụng cụ	1.107.367.869.068	(5.296.783.152)	1.268.892.892.753	(5.357.710.640)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.833.878.307.740	-	1.676.502.031.812	-
Thành phẩm	3.148.825.668.792	(43.587.285.275)	2.962.405.916.489	(45.169.264.501)
Hàng hóa	718.012.342.591	(171.959.010)	505.013.254.419	(171.959.009)
Hàng gửi bán	136.811.145.314	-	5.291.406.930	-
Cộng	**13.024.194.419.202**	**(137.167.875.469)**	**11.893.184.186.263**	**(144.310.904.588)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Số dư đầu kỳ	**4.726.077.899.797**
Tăng trong kỳ	9.169.630.287.057
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(786.917.726.732)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(11.660.000.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(15.336.553.803)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.809.297.063)
Thanh lý	(50.248.878.905)
Biến động khác	(696.260.697)
Số dư cuối kỳ	**13.029.039.469.654**

Chi tiết

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án KLH Gang thép Dung Quất	9.824.548.579.152	1.536.739.121.107
Dự án Nhà máy tôn mạ màu	2.421.353.407.282	2.189.597.742.478
Dự án Nông nghiệp	565.216.174.774	724.121.942.319
Dự án khác	217.921.308.446	275.619.093.893
Cộng	**13.029.039.469.654**	**4.726.077.899.797**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Số dư tại ngày 01/01/2018	**4.866.916.317.804**	**15.336.909.018.759**	**782.367.752.616**	**50.741.795.948**	**203.095.968.862**	**4.495.873.223**	**21.244.526.727.212**
Mua trong kỳ	7.615.734.917	83.394.922.235	56.251.289.239	8.008.992.785	-	-	**155.270.939.176**
Tăng do mua công ty con	378.063.361	74.091.489.107	6.031.685.456	330.653.636	-	211.589.297	**81.043.480.857**
Đầu tư XDCB hoàn thành	231.455.147.629	465.761.290.959	22.115.269.463	3.148.494.705	64.228.523.976	209.000.000	**786.917.726.732**
Chuyển sang CPTT dài hạn		(694.387.608)	-	-	-	-	**(694.387.608)**
Thanh lý, nhượng bán	(3.408.299.115)	(22.527.331.628)	(17.404.133.157)	(67.052.293)	-	-	**(43.406.816.193)**
Biến động khác	-	(758.089.719)	(151.151.509)	(34.101.000)	-	-	**(943.342.228)**
Phân loại lại	(37.743.768.245)	38.500.920.730	(469.979.045)	(287.173.440)	-	-	**-**
Số dư tại ngày 30/06/2018	**5.065.213.196.351**	**15.974.677.832.835**	**848.740.733.063**	**61.841.610.341**	**267.324.492.838**	**4.916.462.520**	**22.222.714.327.948**
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư tại ngày 01/01/2018	**1.372.244.959.356**	**6.472.001.153.397**	**325.972.273.024**	**29.009.175.918**	**32.297.649.932**	**742.381.473**	**8.232.267.593.100**
Khấu hao trong kỳ	177.544.098.606	822.064.982.307	56.336.861.929	4.675.060.607	31.951.935.290	576.482.495	**1.093.149.421.234**
Tăng do mua công ty con	258.343.296	53.749.391.123	4.656.382.104	266.056.817	-	145.523.108	**59.075.696.448**
Chuyển sang CPTT dài hạn	-	(9.225.805)	-	-	-	-	**(9.225.805)**
Thanh lý, nhượng bán	(2.562.384.410)	(16.233.740.688)	(9.313.660.509)	(67.052.293)	-	-	**(28.176.837.900)**
Biến động khác	(4.527.500)	(368.328.868)	(7.244.318)	-	-	-	**(380.100.686)**
Phân loại lại	(18.494.597.423)	19.136.532.915	(594.979.045)	(46.956.447)	-	-	**-**
Số dư tại ngày 30/06/2018	**1.528.985.891.925**	**7.350.340.764.381**	**377.049.633.185**	**33.836.284.602**	**64.249.585.222**	**1.464.387.076**	**9.355.926.546.391**
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2018	**3.494.671.358.448**	**8.864.907.865.362**	**456.395.479.592**	**21.732.620.030**	**170.798.318.930**	**3.753.491.750**	**13.012.259.134.112**
Tại ngày 30/06/2018	**3.536.227.304.426**	**8.624.337.068.454**	**471.691.099.878**	**28.005.325.739**	**203.074.907.616**	**3.452.075.444**	**12.866.787.781.557**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2018	206.055.346.072	17.837.108.161	1.500.909.664	**225.393.363.897**
- Mua trong kỳ	-	13.078.565.200	-	**13.078.565.200**
- Tăng do mua công ty con	-	281.801.460	-	**281.801.460**
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.660.000.000	-	-	**11.660.000.000**
Số dư tại ngày 30/06/2018	**217.715.346.072**	**31.197.474.821**	**1.500.909.664**	**250.413.730.557**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2018	31.726.235.517	6.628.657.477	1.500.909.664	**39.855.802.658**
- Khấu hao trong kỳ	1.745.382.583	2.895.838.234	-	**4.641.220.817**
- Tăng do mua công ty con	-	186.100.060	-	**186.100.060**
Số dư tại ngày 30/06/2018	**33.471.618.100**	**9.710.595.771**	**1.500.909.664**	**44.683.123.535**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	**174.329.110.555**	**11.208.450.684**	-	**185.537.561.239**
Tại ngày 30/06/2018	**184.243.727.972**	**21.486.879.050**	-	**205.730.607.022**

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2018	15.780.994.600	230.360.522.943	**246.141.517.543**
Số dư ngày 30/06/2018	**15.780.994.600**	**230.360.522.943**	**246.141.517.543**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2018	-	54.950.432.307	**54.950.432.307**
Khấu hao trong kỳ	-	6.038.048.874	**6.038.048.874**
Số dư ngày 30/06/2018	-	**60.988.481.181**	**60.988.481.181**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	**15.780.994.600**	**175.410.090.636**	**191.191.085.236**
Tại ngày 30/06/2018	**15.780.994.600**	**169.372.041.762**	**185.153.036.362**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước	Công cụ dụng cụ	Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng	Chi phí đền bù đất và giải phóng mặt bằng	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	**526.451.813.217**	**86.978.996.499**	**26.730.586.939**	**71.352.248.193**	**120.950.508.366**	**832.464.153.214**
Tăng trong kỳ	-	30.213.635.073	528.047.174.107	-	31.753.867.980	**590.014.677.160**
Tăng do mua công ty con	-	2.941.901.472	-	-	-	**2.941.901.472**
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	5.135.375.456	6.602.909.116	-	3.598.269.231	**15.336.553.803**
Chuyển từ TSCĐ hữu hình	-	50.774.195	-	-	634.387.608	**685.161.803**
Thanh lý	-	(31.742.980)	-	-	-	**(31.742.980)**
Phân bổ trong kỳ	(5.316.738.916)	(43.967.454.877)	(32.926.162.734)	(2.653.081.986)	(11.916.247.127)	**(96.779.685.640)**
Phân loại lại	2.250.501.011	(222.245.862)	(44.619.812)	1.869.545.598	(3.853.180.935)	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	**523.385.575.312**	**81.099.238.976**	**528.409.887.616**	**70.568.711.805**	**141.167.605.123**	**1.344.631.018.832**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Lợi thế thương mại

Công ty	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá Gốc VND	Giá trị còn lại VND	Giá Gốc VND	Giá trị còn lại VND
Công ty CP Năng Lượng Hòa Phát	206.244.396.684	39.530.176.026	206.244.396.684	49.842.395.862
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình	4.367.130.430	4.367.130.430	4.367.130.430	4.367.130.430
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nhơn Trạch	195.950.665	195.950.665	195.950.665	195.950.665
Công ty CP Xây dựng Long Việt	59.880.000.000	57.884.000.000	-	-
Cộng	**270.687.477.779**	**101.977.257.121**	**210.807.477.779**	**54.405.476.957**

12. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	11.527.601.640.256	11.328.518.776.500
Cộng	**11.527.601.640.256**	**11.328.518.776.500**
Vay dài hạn		
Vay dài hạn	4.976.499.450.228	1.651.494.675.275
Cộng	**4.976.499.450.228**	**1.651.494.675.275**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 ◢ F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018	Mua công ty con	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2018
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	102.066.953.349	3.337.439.671	440.458.669.274	(490.465.991.381)	55.397.070.913
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	51.928.128	-	1.299.583.101.634	(1.298.815.825.804)	819.203.958
Thuế GTGT, TNDN nộp thay nhà thầu	2.191.487.507	-	39.400.582.399	(31.238.554.255)	10.353.515.651
Thuế xuất nhập khẩu	30.212.655	-	74.074.958.343	(74.062.701.430)	42.469.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.098.722.450	1.884.432.784	785.436.226.946	(434.940.130.822)	618.479.251.358
Thuế thu nhập cá nhân	2.943.401.586	191.707.710	15.466.554.321	(15.584.814.545)	3.016.849.072
Thuế tiêu thụ đặc biệt	598.617.287	-	28.195.621.645	(27.516.313.389)	1.277.925.543
Thuế tài nguyên	2.575.528.366	-	70.894.936.555	(61.378.722.720)	12.091.742.201
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.569.304.154	-	8.064.302.904	(8.377.649.136)	1.255.957.922
Các loại thuế, phí khác	125.388.365	-	23.326.071.639	(19.713.798.950)	3.737.661.054
Tổng	**378.251.543.847**	**5.413.580.165**	**2.784.901.025.660**	**(2.462.094.502.432)**	**706.471.647.240**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. Chi phí phải trả

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí phải trả cho nhà thầu	75.496.341.197	140.624.893.938
Chi phí lãi vay	61.045.304.167	35.025.639.245
Chi phí khuyến mại	52.768.393.614	60.608.283.542
Các khoản khác	66.779.366.927	72.496.239.745
Cộng	**256.089.405.905**	**308.755.056.470**
Chi phí phải trả dài hạn		
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất KCN	456.843.080.513	386.454.362.041
Cộng	**456.843.080.513**	**386.454.362.041**

15. Phải trả khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Lãi vay và cổ tức phải trả	8.156.867.590	2.136.591.436
Các khoản hỗ trợ khách hàng	53.723.799.245	68.760.740.511
Phải trả về hoạt động xuất nhập khẩu	1.244.255.252.601	306.020.067.753
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	23.158.276.768	18.040.448.530
Các khoản phải trả khác	90.236.873.823	47.177.500.964
Cộng	**1.419.531.070.027**	**442.135.349.194**
Phải trả khác dài hạn		
Quỹ kinh phí bảo trì căn hộ	28.269.943.040	37.648.730.069
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.191.823.395	9.011.250.403
Cộng	**38.461.766.435**	**46.659.980.472**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. Dự phòng phải trả

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.247.116.218	8.150.637.096
Cộng	**7.247.116.218**	**8.150.637.096**
Dự phòng phải trả dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	10.218.381.409	10.231.965.322
Ký quỹ phục hồi môi trường	10.204.421.672	9.717.605.036
Cộng	**20.422.803.081**	**19.949.570.358**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	**8.428.749.560.000**	**674.149.437.068**	**(1.093.000.000)**	**1.156.415.747.213**	-	**9.486.351.633.348**	**105.687.700.335**	**19.850.261.077.964**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	8.006.672.113.847	8.084.472.201	8.014.756.586.048
Cổ đông thiểu số góp vốn	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Phát hành thêm vốn cho cổ đông hiện hữu	2.528.235.830.000	2.528.049.530.000	-	-	-	-	-	5.056.285.360.000
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(4.503.452.577)	(4.503.452.577)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.213.804.610.000	-	-	-	-	(4.213.804.610.000)	-	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(600.270.000)	-	-	600.270.000	-	-
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành, thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(236.000.000.000)	-	(236.000.000.000)
Hồi quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	(637.774.135.057)	-	637.449.884.245	324.250.812	-
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(302.532.386.830)	-	(302.532.386.830)
Trả thù lao thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(28.000.000)	-	(28.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	18.320.172.586	20.854.719	18.341.027.305
Số dư tại ngày 31/12/2017	**15.170.790.000.000**	**3.202.198.967.068**	**(1.693.270.000)**	**518.641.612.156**	-	**13.397.029.077.196**	**110.613.825.490**	**32.397.580.211.910**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	**15.170.790.000.000**	**3.202.198.967.068**	**(1.693.270.000)**	**518.641.612.156**	**-**	**13.397.029.077.196**	**110.613.825.490**	**32.397.580.211.910**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	4.406.840.900.635	18.286.941.928	4.425.127.842.563
Ảnh hưởng của giao dịch mua công ty con	-	-	-	-	-	-	120.000.000	120.000.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(370.000.000)	-	-	370.000.000	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	9.361.449.202	2.063.270.000	-	-	-	-	11.424.719.202
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(3.116.415.899)	(3.116.415.899)
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.477.466.228)	-	(8.477.466.228)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành, thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(180.700.000.000)	-	(180.700.000.000)
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)	-	-
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	-	-	23.097.859	-	-	23.097.859
Biến động khác	-	-	-	-	-	(15.138.173.101)	-	(15.138.173.101)
Số dư tại ngày 30/06/2018	**15.170.790.000.000**	**3.211.560.416.270**	**-**	**918.641.612.156**	**23.097.859**	**17.199.924.338.502**	**125.904.351.519**	**36.626.843.816.306**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	15.170.790.000.000	8.428.749.560.000
Phát hành thêm vốn cho cổ đông hiện hữu	-	2.528.235.830.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.213.804.610.000
Vốn góp cuối kỳ	15.170.790.000.000	15.170.790.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.517.079.000	1.517.079.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	1.517.079.000	1.517.079.000
Số lượng cổ phiếu thu hồi làm cổ phiếu quỹ		(169.327)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.517.079.000	1.516.909.673
Cổ phiếu phổ thông	1.517.079.000	1.516.909.673
** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành*	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	918.641.612.156	518.641.612.156
Quỹ khen thưởng phúc lợi	674.633.083.238	705.690.675.557

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Bán hàng	14.016.798.195.903	10.407.805.820.933
Cung cấp dịch vụ	36.015.583.210	19.486.140.633
Cho thuê bất động sản	90.375.028.038	318.903.772.488
Doanh thu bán bất động sản	286.310.350.000	13.316.800.000
Doanh thu khác	3.247.443.390	5.699.806.141
Cộng	**14.432.746.600.541**	**10.765.212.340.195**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Chiết khấu thương mại	167.748.517.055	147.789.388.398
Giảm giá hàng bán	355.477.675	458.853.987
Hàng bán bị trả lại	3.704.505.260	4.881.528.238
Cộng	**171.808.499.990**	**153.129.770.623**

3. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Thành phẩm, hàng hóa đã bán	11.139.032.344.822	8.182.062.248.447
Dịch vụ đã cung ứng	20.396.858.135	11.794.792.097
Giá vốn bất động sản cho thuê	60.595.002.945	215.935.060.720
Giá vốn bất động sản đã bán	157.526.322.103	8.542.853.533
Giá vốn khác	2.112.467.689	4.790.084.301
Cộng	**11.379.662.995.694**	**8.423.125.039.098**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.340.542.837	16.281.794.664
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.881.655.260	10.998.837.164
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.522.324.409	2.448.675.014
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.671.450.495	2.574.082.360
Cộng	**79.415.973.001**	**32.303.389.202**

5. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	135.220.094.841	130.009.931.346
Chiết khấu thanh toán	3.046.138.427	2.753.078.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.261.045.481	5.457.999.078
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.606.314.868	8.279.745.623
Chi phí tài chính khác	8.116.664.584	57.558.353
Cộng	**159.250.258.201**	**146.558.312.400**

6. Thu nhập khác

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Thu từ bán điện nước, cung cấp dịch vụ	105.802.511.411	97.746.769.280
Thu nhập khác	8.411.880.395	10.884.859.021
Cộng	**114.214.391.806**	**108.631.628.301**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Chi phí khác

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Chi phí điện, nước, dịch vụ cung cấp	101.583.384.911	94.629.201.640
Chi phí khác	15.986.816.482	3.424.606.546
Cộng	**117.570.201.393**	**98.053.808.186**

8. Chi phí bán hàng

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Chi phí quảng cáo	14.601.769.526	15.216.579.672
Chi phí nhân viên	20.177.454.424	20.887.659.043
Chi phí khấu hao	6.069.100.302	4.365.505.227
Chi phí vận chuyển	42.632.879.784	57.999.994.011
Chi phí xuất khẩu	14.552.328.726	14.527.688.177
Chi phí khuyến mại	25.701.757.735	51.868.479.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	30.930.638.171	52.953.198.409
Cộng	**154.665.928.668**	**217.819.103.678**

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II năm 2018 VND	Quý II năm 2017 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	6.654.107.918	5.156.109.918
Chi phí nhân viên	(3.538.003.351)	38.930.765.477
Chi phí khấu hao	9.861.425.080	7.502.628.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	53.223.550.656	7.876.981.475
Cộng	**66.201.080.303**	**59.466.485.385**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Các giao dịch giữa các bộ phận được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ)	Sản xuất và kinh doanh thép	Sản xuất công nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*9*
Số liệu Quý II năm 2018							
Doanh thu							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	11.736.419.374.175	923.316.599.012	405.564.884.876	1.195.637.242.488		**14.260.938.100.551**
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	50.199.731.305	5.816.730.179.067	471.412.958.148	21.091.075.051	35.316.000	(6.359.469.259.571)	-
Tổng doanh thu thuần	**50.199.731.305**	**17.553.149.553.242**	**1.394.729.557.160**	**426.655.959.927**	**1.195.672.558.488**	**(6.359.469.259.571)**	**14.260.938.100.551**
Kết quả							
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**3.122.373.315.275**	**2.262.953.650.885**	**115.629.593.470**	**160.693.191.129**	**29.036.045.421**	**(3.110.111.985.494)**	**2.580.573.810.686**
Thu nhập khác	1.276.161.866	111.424.609.267	2.491.959.806	591.852.478	2.124.608.152	(3.694.799.763)	**114.214.391.806**
Chi phí khác	780.909.042	102.908.262.364	65.252.044	9.029.297.771	5.670.331.714	(883.851.542)	**117.570.201.393**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	3.122.868.568.099	2.271.469.997.788	118.056.301.232	152.255.745.836	25.490.321.859	(3.112.922.933.715)	**2.577.218.001.099**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.128.781.162	308.946.965.527	22.339.076.659	33.254.439.805	4.585.859.132	-	**370.255.122.285**
Lợi ích/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	2.348.537.095	1.539.194.739	(1.765.538.067)	183.414	2.468.257.137	**4.590.634.318**
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế của bộ phận	**3.121.739.786.937**	**1.960.174.495.166**	**94.178.029.834**	**120.766.844.098**	**20.904.279.313**	**(3.115.391.190.852)**	**2.202.372.244.496**
Tại ngày 30/06/2018							
Tài sản bộ phận	32.383.752.649.442	53.538.292.045.095	2.721.262.718.922	3.173.348.479.238	4.303.375.567.909	(34.042.448.175.806)	**62.077.583.284.800**
Tổng tài sản	**32.383.752.649.442**	**53.538.292.045.095**	**2.721.262.718.922**	**3.173.348.479.238**	**4.303.375.567.909**	**(34.042.448.175.806)**	**62.077.583.284.800**
Công nợ bộ phận	646.451.364.412	23.116.105.951.875	1.659.192.947.283	2.007.925.170.163	1.283.150.075.656	(3.262.086.040.895)	**25.450.739.468.494**
Tổng nợ phải trả	**646.451.364.412**	**23.116.105.951.875**	**1.659.192.947.283**	**2.007.925.170.163**	**1.283.150.075.656**	**(3.262.086.040.895)**	**25.450.739.468.494**
Nguyên giá							
Tài sản cố định hữu hình	101.430.307.358	17.598.004.359.808	1.642.259.142.906	321.525.040.143	2.416.098.304.292	143.397.173.441	**22.222.714.327.948**
Tài sản cố định vô hình	44.508.871.840	99.985.875.693	91.265.684.071	811.801.460	16.204.578.780	(2.363.081.287)	**250.413.730.557**
Khấu hao							-
Tài sản cố định hữu hình	(48.340.928.021)	(7.920.279.006.661)	(933.561.640.325)	(153.631.231.057)	(256.893.642.422)	(43.220.097.905)	**(9.355.926.546.391)**
Tài sản cố định vô hình	(3.375.239.115)	(21.025.380.889)	(21.756.988.615)	(355.569.938)	(1.313.885.439)	3.143.940.461	**(44.683.123.535)**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 ◢ F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ)	Sản xuất và kinh doanh thép	Kinh doanh máy xây dựng	Kinh doanh bất động sản	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*9*
Số liệu Quý II năm 2017							
Doanh thu							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	8.939.331.284.039	806.478.456.924	356.222.097.581	510.050.731.028	-	10.612.082.569.572
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	7.032.060.000	5.021.623.022.488	96.459.828.024	2.958.908.234	22.023.493.636	(5.150.097.312.382)	-
Tổng doanh thu thuần	**7.032.060.000**	**13.960.954.306.527**	**902.938.284.948**	**359.181.005.815**	**532.074.224.664**	**(5.150.097.312.382)**	**10.612.082.569.572**
Kết quả							-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.034.651.419.529	1.558.854.176.596	124.199.492.744	111.073.011.883	2.503.672.816	(4.034.003.936.697)	1.797.277.836.871
Thu nhập khác	1.467.166.279	116.080.944.198	1.962.832.284	1.978.984.979	217.189.590	(13.075.489.029)	108.631.628.301
Chi phí khác	112.439.593	95.182.491.959	1.771.227.322	1.314.610.776	14.370.259	(341.331.723)	98.053.808.186
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	4.036.006.146.215	1.579.752.628.835	124.391.097.706	111.737.386.086	2.706.492.147	(4.046.738.094.003)	1.807.855.656.986
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	220.322.832.176	24.282.276.787	32.423.263.935	1.321.422.898	-	278.349.795.796
Lợi ích/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	1.660.601.201	151.375.828	(11.779.773.679)	183.414	968.523.349	(8.999.089.887)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế của bộ phận	**4.036.006.146.215**	**1.357.769.195.458**	**99.957.445.091**	**91.093.895.830**	**1.384.885.835**	**(4.047.706.617.352)**	**1.538.504.951.077**
Tại ngày 30/06/2017							
Tài sản bộ phận	**21.421.179.743.560**	**33.011.686.818.948**	**2.186.011.174.286**	**2.604.732.407.968**	**3.650.385.451.563**	**(23.211.511.267.534)**	**39.662.484.328.791**
Tổng tài sản	21.421.179.743.560	33.011.686.818.948	2.186.011.174.286	2.604.732.407.968	3.650.385.451.563	(23.211.511.267.534)	**39.662.484.328.791**
Công nợ bộ phận	**575.215.125.577**	**14.768.855.003.423**	**1.265.044.629.492**	**1.718.996.295.951**	**1.084.111.975.664**	**(2.689.184.320.513)**	**16.723.038.709.594**
Tổng nợ phải trả	575.215.125.577	14.768.855.003.423	1.265.044.629.492	1.718.996.295.951	1.084.111.975.664	(2.689.184.320.513)	**16.723.038.709.594**
Nguyên giá							
Tài sản cố định hữu hình	64.337.716.913	16.794.520.186.247	1.417.338.757.411	212.935.276.988	977.862.394.851	164.315.294.055	**19.631.309.626.465**
Tài sản cố định vô hình	31.773.096.640	97.099.159.078	90.515.914.071	-	3.948.578.780	(2.363.081.287)	**220.973.667.282**
Khấu hao							-
Tài sản cố định hữu hình	(39.311.912.615)	(6.275.020.604.264)	(793.752.261.603)	(76.179.307.603)	(64.088.268.670)	(40.320.964.226)	**(7.288.673.318.981)**
Tài sản cố định vô hình	(2.483.927.032)	(17.299.182.116)	(19.221.764.864)	-	(456.577.631)	3.131.728.230	**(36.329.723.413)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. Giải trình kết quả kinh doanh trong trường hợp có biến động trên 10%

Lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn Quý II năm 2018 là 2.202 tỷ đồng, tăng 664 tỷ đồng tương ứng 43% so với cùng kỳ năm 2017 (Quý II năm 2017 là 1.538 tỷ đồng) chủ yếu đến từ mảng kinh doanh thép và bất động sản.

Hưng Yên, ngày 30 tháng 07 năm 2018

Kế toán tổng hợp	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Trang	Phạm Thị Kim Oanh	Trần Tuấn Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 24 6284 8666 / 3628 2011 F: +84 24 6283 3456
E: hpg@hoaphat.com.vn / prm@hoaphat.com.vn
W: www.hoaphat.com.vn